

Thông báo

Chúng tôi sẽ áp dụng Quy định hợp đồng công quận Suginami cho công việc của bạn.

Nếu bạn cho rằng tiền lương của mình thấp hơn mức tiền công tối thiểu dưới đây, bạn có thể kiến nghị với quận Suginami hoặc bên nhận thầu, v.v...

(Theo như Quy định này, số tiền lương tối thiểu được gọi là mức tiền công tối thiểu.)

Phạm vi người lao động được áp dụng

Người lao động được thuê bởi bên nhận thầu, v.v... và chủ yếu chỉ làm công việc liên quan đến hợp đồng công

(Bao gồm cả người lao động của nhà thầu phụ/bên nhận ủy thác lại, thợ cả)

Mức tiền công tối thiểu

< Trường hợp thi công công trình >

Là số tiền thu được sau khi lấy đơn giá nhân công thiết kế công trình công cộng nhân với 90% rồi quy đổi thành đơn giá theo giờ

1,250 yên/giờ đối với học việc, làm nghề, v.v...

< Trường hợp ủy thác công việc và thỏa thuận quản lý theo chỉ định >

1,083 yên/giờ

< Thông tin liên hệ trong trường hợp có kiến nghị >

○ Suginami

03 — 5307 — 0350

○ Nhà thầu chính / Chủ sử dụng lao động

※ Bạn sẽ không phải chịu bất kỳ sự đối xử bất lợi nào khi thực hiện kiến nghị.

※ Đối với người lao động của nhà thầu phụ và bên nhận ủy thác lại, nếu tiền lương được chi trả thấp hơn mức tiền công tối thiểu và không được điều chỉnh lại, thì theo quy định, bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm liên đới và phải trả tiền lương cho người lao động.

Là số tiền thu được sau khi lấy đơn giá nhân công thiết kế công trình công cộng nhân với 90% rồi quy đổi thành đơn giá theo giờ					
1	Công nhân đặc biệt	2,779 yên/giờ	27	Thuyền viên bình thường	2,712 yên/giờ
2	Công nhân bình thường	2,430 yên/giờ	28	Thợ lặn	4,658 yên/giờ
3	Công nhân hạng nhẹ	1,755 yên/giờ	29	Người liên lạc với thợ lặn	3,285 yên/giờ
4	Công nhân thi công cảnh quan	2,430 yên/giờ	30	Người vận hành cung cấp khí lặn	3,207 yên/giờ
5	Công nhân thi công công trình dốc	3,049 yên/giờ	31	Công nhân thi công chống xói mòn rừng	3,027 yên/giờ
6	Công nhân làm việc trên giàn giáo	3,139 yên/giờ	32	Công nhân đường sắt	5,254 yên/giờ
7	Công nhân thợ xây đá	3,072 yên/giờ	33	Công nhân thi công ván khuôn	2,959 yên/giờ
8	Công nhân thi công gạch khối	2,847 yên/giờ	34	Thợ mộc	2,880 yên/giờ
9	Thợ điện	2,892 yên/giờ	35	Thợ trát vữa	3,117 yên/giờ
10	Công nhân thi công cốt thép	3,105 yên/giờ	36	Thợ sửa chữa đường ống nước	2,644 yên/giờ
11	Công nhân thi công khung thép	2,892 yên/giờ	37	Công nhân phá dỡ	2,824 yên/giờ
12	Thợ sơn	3,285 yên/giờ	38	Công nhân gia công chống thấm	3,364 yên/giờ
13	Thợ hàn	3,522 yên/giờ	39	Công nhân gia công kim loại tấm	3,218 yên/giờ
14	Tài xế (xe đặc biệt)	2,768 yên/giờ	40	Thợ ốp lát gạch	2,628 yên/giờ
15	Tài xế (xe thông thường)	2,284 yên/giờ	41	Thợ lắp đặt khung kết cấu	2,892 yên/giờ
16	Công nhân thi công công trình ngầm	3,420 yên/giờ	42	Thợ lợp mái	1,909 yên/giờ
17	Người quản lý thi công công trình ngầm	4,028 yên/giờ	43	Công nhân nội thất	3,150 yên/giờ
18	Công nhân khoan cắt đá	3,477 yên/giờ	44	Thợ kính	2,892 yên/giờ
19	Chuyên viên thi công đường hầm	3,308 yên/giờ	45	Công nhân lắp đặt đồ gỗ	2,795 yên/giờ
20	Công nhân thi công đường hầm	2,790 yên/giờ	46	Công nhân thi công hệ thống ống dẫn	2,577 yên/giờ
21	Người quản lý thi công đường hầm	3,780 yên/giờ	47	Công nhân thi công cách nhiệt bảo ôn	2,554 yên/giờ
22	Chuyên viên thi công cầu	3,420 yên/giờ	48	Công nhân thi công bê tông khối	2,712 yên/giờ
23	Thợ sơn cầu	3,510 yên/giờ	49	Thợ máy thiết bị	2,588 yên/giờ
24	Người quản lý thi công cầu	4,005 yên/giờ	50	Người hướng dẫn giao thông A	1,755 yên/giờ
25	Người quản lý thi công công trình dân dụng	2,869 yên/giờ	51	Người hướng dẫn giao thông B	1,564 yên/giờ
26	Thuyền viên cấp cao	3,432 yên/giờ			